

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Dũng,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên đại bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 84/BC-SXD ngày 20/3/2020; UBND huyện Yên Dũng tại Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 09/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/25.000), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu.

a) Vị trí, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Dũng bao gồm toàn bộ phạm vi địa giới hành chính huyện Yên Dũng; ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp thành phố Bắc Giang;
- Phía Nam: Giáp tỉnh Bắc Ninh với ranh giới là sông Cầu;
- Phía Đông: Giáp huyện Lục Nam với ranh giới là sông Lục Nam;
- Phía Tây: Giáp huyện Việt Yên.

b) Quy mô:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 191,74 km²;
- Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 171.000 người, dân số đô thị khoảng 78.500 người, tỷ lệ đô thị hóa 45-47%; đến năm 2040 khoảng 213.000 người, dân số đô thị khoảng 115.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 53-55%.

2. Tính chất.

- Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái văn hóa, lễ hội gắn với cảnh quan tự nhiên, rừng phòng hộ; khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Khu vực có tiềm năng phát triển, hình thành đô thị vệ tinh cửa ngõ phía Nam của thành phố Bắc Giang; có tiềm năng phát triển cảng sông, giao thông đường thủy với các tỉnh lân cận; có vị trí trung gian kết nối trung tâm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Giang với tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương.

- Là đầu mối giao thông đường bộ, đường thủy quan trọng; có ý nghĩa quan trọng về Quốc phòng, An ninh của tỉnh Bắc Giang và vùng Thủ đô.

3. Mục tiêu.

- Cụ thể hóa mục tiêu Quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015, từ đó đưa ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện;

- Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm xã, các cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, đảm bảo phục vụ cho các tiểu vùng trong huyện nhằm phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong tiểu vùng.

- Đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, điểm dân cư nông thôn, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ thương mại, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, định hướng phát triển kinh tế theo hướng bền vững;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn toàn huyện ; làm cơ sở tích hợp vào quy hoạch vùng tỉnh.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

TT	Hạng mục	Đến năm 2030	Đến năm 2040
I	Đất xây dựng đô thị		
	- Đất đơn vị ở đô thị	35 ÷ 50m ² /người	35 ÷ 50m ² /người
	- Đất công trình công cộng đô thị	≥5m ² /người	≥5m ² /người
	- Đất cây xanh đô thị	≥5m ² /người	≥5m ² /người
II	Các chỉ tiêu HTKT		
	- Tiêu chuẩn cấp điện		

	+ Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	400w/người cho đô thị 200 w/người cho khu vực nông thôn	1000w/người cho đô thị 500 w/người cho khu vực nông thôn
	+ Tiêu chuẩn cấp điện công cộng	30 % chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	30 % chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt
	- Cấp nước	120 l/người/ng.đ cho đô thị; 80 l/người/ng.đ cho khu vực nông thôn Chỉ tiêu cấp $\geq 90\%$ dân	150 l/người/ng.đ cho đô thị; 100 l/người/ng.đ cho khu vực nông thôn Chỉ tiêu cấp $\geq 90\%$ dân
	- Thoát nước, vệ sinh môi trường		
	+ Thoát nước	$\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước	$\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước
	+ Rác thải	0,9kg/người/ngày; Tỷ lệ thu $\geq 90\%$	0,9kg/người/ngày; Tỷ lệ thu $\geq 90\%$

5. Yêu cầu và nội dung lập quy hoạch.

a) Các yêu cầu về thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng:

- Huyện Yên Dũng là cửa ngõ phía Nam của tỉnh Bắc Giang, nằm tại vị trí có hệ thống giao thông liên kết vùng thuận lợi, kết nối trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hải Dương, Bắc Ninh. Trên địa bàn huyện có một số tuyến đường giao thông huyết mạch chạy qua đó là Quốc lộ 1, Quốc lộ 17, các tuyến tỉnh lộ bao gồm ĐT.293, ĐT.398...vì vậy cần xác định mối quan hệ nội ngoại vùng huyện Yên Dũng trong tương lai với với các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Hải Dương, Quảng Ninh; thành phố Bắc Giang và các huyện Lục Nam, Việt Yên của tỉnh Bắc Giang;

- Thu thập các tài liệu, số liệu, các dự án có liên quan và đánh giá thực trạng về điều kiện tự nhiên, hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân cư; quỹ đất xây dựng; tình hình xây dựng của khu vực cũng như những tác động phát triển kinh tế - xã hội - hạ tầng kỹ thuật của vùng phụ cận để từ đó đưa ra phương án tổ chức không gian cho huyện Yên Dũng hợp lý.

b) Cơ sở kinh tế - kỹ thuật tạo động lực phát triển huyện Yên Dũng:

- Hoạt động của trung tâm hành chính huyện Yên Dũng trong tương lai, dịch vụ thương mại, dịch vụ công - nông nghiệp cho huyện Yên Dũng;

- Các khu vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa thể thao, du lịch tâm linh...

- Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại - dịch vụ, khám chữa bệnh...

- Duy trì và đẩy mạnh phát triển công nghiệp, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá chất lượng cao phục vụ nội tỉnh và vùng phụ cận.

c) Định hướng phát triển không gian vùng:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng, trong đó, xây dựng phương án phát triển theo các mô hình:

+ Mô hình 1: Đa cực tập trung với thị trấn Nham Biền (Trung tâm huyện lỵ - Đô thị loại IV) và vùng phụ cận đóng vai trò là cực động lực chủ đạo; khu vực thị trấn Tân An, (Đô thị loại V) và các đô thị dự kiến đóng vai trò là cực động lực hỗ trợ;

+ Mô hình 2: Phát triển đồng đều trên cơ sở thúc đẩy các trục hành lang kinh tế - đô thị phát triển gắn với các trung tâm đô thị trên địa bàn toàn huyện.

- Định hướng quy hoạch các điểm dân cư nông thôn; xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị; định hướng cải tạo, mở rộng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang, cải tạo các điểm dân cư hiện có, mở rộng khu dân cư mới phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng;

- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị;

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng;

- Nghiên cứu đánh giá sự phù hợp của quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã với không gian quy hoạch xây dựng vùng huyện và gắn kết phát triển quy hoạch chung các đô thị.

d) Đề xuất định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:

+ Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng mạng lưới giao thông, nghiên cứu các dự án giao thông quốc gia tác động đến các đô thị trong huyện như đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Quốc lộ 17, ĐT 398, ĐT 293, ĐT 299, ĐT 299B, QL18, cao tốc Hà Nội - Hạ Long, đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng.... Phân tích nhu cầu sử dụng giao thông, khả năng kết nối giao thông giữa các tuyến đường

quốc gia, đường tỉnh với huyện Yên Dũng, từ đó đưa ra mô hình phát triển mạng lưới giao thông cho toàn huyện.

+ Tiếp tục hoàn thiện các tuyến đường tránh qua nội thị các đô thị của huyện. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng các tuyến đường hiện có đảm bảo kết nối với tuyến giao thông đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu vực và tuân thủ theo quy hoạch phát triển giao thông toàn tỉnh;

+ Đề xuất mô hình giao thông khu vực phù hợp với cấu trúc huyện. Tổ chức, kết nối giao thông giữa khu vực thị trấn với các điểm dân cư nông thôn trong huyện, các trung tâm chuyên ngành và các vùng lân cận;

+ Phân loại, phân cấp các tuyến giao thông đô thị - nông thôn. Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông như bến xe, bãi đỗ xe, cầu cống đường bộ... Thiết kế mặt cắt ngang các loại đường cải tạo, xây dựng mới; Xác định hệ thống chỉ tiêu kinh tế về quỹ đất giao thông và các chỉ tiêu kỹ thuật về tuyến đường áp dụng.

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Đánh giá, xác định các loại đất theo điều kiện tự nhiên và xác định cao độ xây dựng khống chế cho từng khu vực; xác định khu vực bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên giữ được bản sắc địa hình vùng;

+ Đề xuất các giải pháp thiết kế san nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn; các lưu vực thoát nước mặt chính ra sông, hồ và hệ thống công thoát nước mặt chính. Đề xuất các giải pháp phòng tránh các thiên tai, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập..., cung cấp nước cho nông nghiệp và tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu.

- Cấp nước:

+ Đánh giá trữ lượng và chất lượng nguồn nước mặt và nước ngầm trong địa bàn huyện. Xác định nguồn nước sử dụng cho các giai đoạn phát triển, xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước cho khu vực các đô thị và các xã dân cư nông thôn;

+ Xác định vị trí, quy mô, công suất khai thác các công trình đầu mối cấp nước; Mạng lưới đường ống cấp nước... Tính toán cải tạo mở rộng, xây mới nhà máy nước để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho huyện theo các giai đoạn phát triển. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ nguồn nước và nhà máy nước.

- Cấp điện:

+ Xác định chỉ tiêu cấp điện đối với các loại phụ tải khu vực các đô thị huyện Yên Dũng, các khu vực phát triển mới và các điểm dân cư nông thôn;

+ Dự báo nhu cầu sử dụng điện trên cơ sở số liệu kinh tế huyện Yên Dũng, từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn điện, mạng lưới cấp điện phù hợp với sự phát triển của khu vực;

+ Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp nguồn các giai

đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện, tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Yên Dũng.

- Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

+ Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn và nhu cầu đất nghĩa trang cho khu vực các đô thị huyện Yên Dũng mở rộng trong tương lai và các điểm dân cư nông thôn;

+ Thiết kế mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt. Xác định vị trí, quy mô công suất trạm xử lý nước thải. Định hướng về công tác thoát nước thải, các yêu cầu vệ sinh đối với các loại nước thải sau khi xử lý;

+ Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý CTR. Xem xét vị trí các điểm trung chuyển CTR hiện có và đề xuất vị trí các điểm trung chuyển CTR mới. Đề xuất vị trí, quy mô, công suất công trình đầu mối xử lý chất thải rắn theo quy hoạch cấp vùng;

+ Đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang.

e) Đánh giá môi trường chiến lược

+ Dự báo, đánh giá các diễn biến môi trường, các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường của phương án quy hoạch đối với các khu vực phát triển (đô thị, nông thôn, các khu vực khai thác vật liệu xây dựng, các khu vực bảo tồn,...) và vùng lân cận. Đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường các khu vực trên toàn huyện;

+ Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường;

+ Lập đánh giá môi trường chiến lược nhằm đưa ra những quyết định mang tính chiến lược về bố trí các khu vực chức năng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và bảo vệ được các vùng cảnh quan hiện có;

+ Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

6. Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo động lực phát triển về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường phù hợp với nguồn lực.

- Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: vị trí khu vực công cộng, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên.

7. Quy định quản lý: Theo Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

8. Hồ sơ sản phẩm: Thành phần và nội dung hồ sơ tuân thủ theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày

29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các văn bản pháp quy hiện hành có liên quan.

9. Tổ chức thực hiện, kế hoạch thực hiện.

a) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Yên Dũng;
- Cơ quan trình thẩm định: UBND huyện Yên Dũng.

b) Kế hoạch thực hiện: Thời gian hoàn thành hồ sơ tối đa là: 12 tháng, kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

c) Nguồn vốn và kinh phí:

- Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn ngân sách huyện.
- Kinh phí thực hiện khoảng: **2.059.502.000** đồng

(Hai tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, năm trăm linh hai nghìn đồng)

10. Các nội dung khác: Theo Báo cáo số 403/BC-SXD ngày 20/12/2019 của Sở Xây dựng và hồ sơ nhiệm vụ Quy hoạch đã thẩm định.

Điều 2. UBND huyện Yên Dũng có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, XD.Trung.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn